

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ MÃN NHI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ MÃN NHI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MAN NHI INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110052917

3. Ngày thành lập: 06/07/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

I.3- 03A, khu đô thị thiên đường Bảo Sơn, đường Lê Trọng Tấn, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 085 9758889

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)).	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt máy móc, hệ thống báo cháy, phòng cháy chữa cháy, hệ thống an ninh, hệ thống báo động (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4511
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4513
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4530
8.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (không hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
9.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
10.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631

11.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác	4632
12.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn và không có cồn	4633
13.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: bán buôn hàng may mặc; bán buôn giày dép	4641
14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu; Dụng cụ nhà bếp	4649
15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, thạch cao, vật liệu chống thấm; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, thiết bị điện nước, thiết bị an ninh; Bán buôn cửa cuốn, cửa từ tự động, thang máy, chống sét, hệ thống âm thanh, mạng, camera, đèn chiếu sáng, tủ điện, thang cáp, máng cáp, động cơ điện, dây điện và lắp đặt các thiết bị trên; Bán buôn các thiết bị phòng cháy chữa cháy, thi công lắp đặt hệ thống PCC	4663
19.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoá chất (trừ các loại nhà nước cấm); - Cao su và các sản phẩm từ cao su	4669
20.	Trồng cây lâu năm khác	0129
21.	Dịch vụ đóng gói	8292
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
23.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh phần mềm công nghệ thông tin	6399
24.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Luật kinh doanh bất động sản 2014)	6810
25.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn và môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất (không hoạt động đấu giá) (Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	6820

26.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính)	7020
27.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế xây dựng công trình (theo khoản 3 Điều 67 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) Giám sát thi công xây dựng (Khoản 4 Điều 67 Nghị định 15/2021/NĐ-CP)	7110
28.	Bán buôn tổng hợp	4690
29.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
30.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
31.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
32.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
33.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
34.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
35.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Giết mổ gia súc, gia cầm; Chế biến và bảo quản thịt; Chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt	1010
36.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
37.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Sản xuất nước ép từ rau quả; Chế biến và bảo quản rau quả khác	1030
38.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
39.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
40.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
41.	Sản xuất đường	1072
42.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
43.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn Chi tiết: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thịt, thủy sản	1075
44.	Sản xuất chè	1076
45.	Sản xuất cà phê	1077
46.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
47.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
48.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (trừ trang phục từ da lông thú) (không hoạt động tại trụ sở)	1410

49.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú Chi tiết: + Trang phục lông thú và phụ trang, + Các phụ kiện làm từ lông da như tấm, miếng lót, mảnh dải... + Các sản phẩm phụ khác từ da lông thú như thảm, đệm, mảnh đánh bóng công nghiệp.	1420
50.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
51.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
52.	Sản xuất giày, dép	1520
53.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
54.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Sản xuất sơn nước, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít.	2022(Chính)
55.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
56.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất hoá chất (trừ các loại nhà nước cấm).	2029
57.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
58.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
59.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
60.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
61.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
62.	Sản xuất đồng hồ	2652
63.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
64.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4782
65.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: bán lẻ mỹ phẩm lưu động hoặc tại chợ	4789
66.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng, giao nhận hàng hóa; dịch vụ vận tải đa phương thức (trừ đường hàng không); Dịch vụ logistics (trừ đường hàng không); Đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải, dịch vụ đại lý tàu biển; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ môi giới hàng hải và các dịch vụ hàng hải khác (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không); đại lý vận chuyển hàng hóa; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Dịch vụ môi giới thuê tàu biển (không bao gồm thủy thủ đoàn); Dịch vụ bao gói hàng hóa	5229

68.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật)	7810
69.	Điều hành tua du lịch	7912
70.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
71.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
72.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
73.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
74.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
75.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
76.	Xây dựng nhà để ở	4101
77.	Xây dựng nhà không để ở	4102
78.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
79.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
80.	Xây dựng công trình điện	4221
81.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
82.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
83.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
84.	Xây dựng công trình thủy	4291
85.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
86.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
87.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
88.	Phá dỡ (không hoạt động nổ mìn)	4311
89.	Chuẩn bị mặt bằng (không hoạt động nổ mìn)	4312
90.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
91.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
92.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
93.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
94.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
95.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
96.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762

97.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
98.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
99.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: bán lẻ hàng may mặc; bán lẻ cặp, túi, ví, hàng dân dụng khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
100.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
101.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 6.900.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: _____
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: _____
 Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
 Địa chỉ thường trú: _____
 Địa chỉ liên lạc: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **ĐẶNG THỊ MỸ** Giới tính: **Nữ**
 Chức danh: **Giám đốc**
 Sinh ngày: **09/09/1990** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **048190006652**
 Ngày cấp: **27/04/2022** Nơi cấp: **Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội**
 Địa chỉ thường trú: **Tổ 36, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**
 Địa chỉ liên lạc: **Tổ 36, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội